



Datum: _____

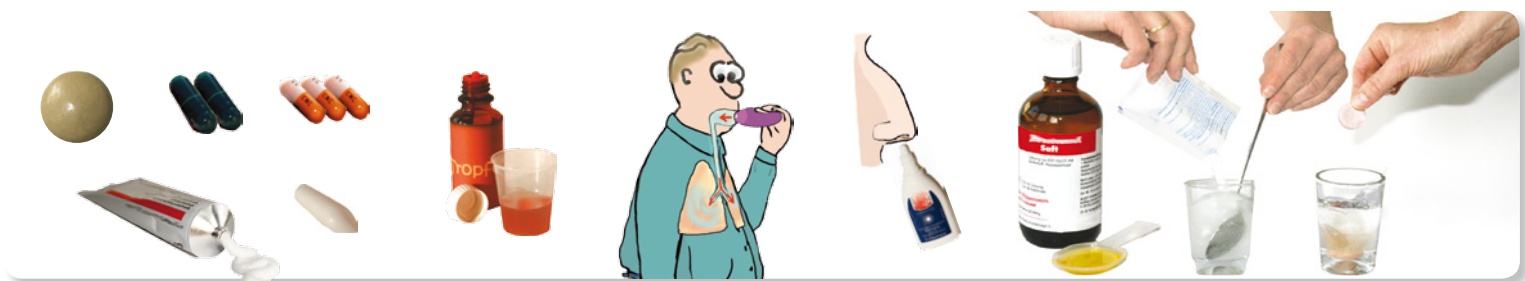
- Therapie
Deutsch
- Treatment
Englisch
- Traitement
Französisch
- 治療法
Japanisch
- 치료
Koreanisch
- 服藥方法
Chinesisch
- Kế hoạch điều trị
Vietnamesisch
- தொடர் சிகிச்சை
Tamilisch

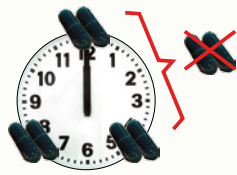


Datum					

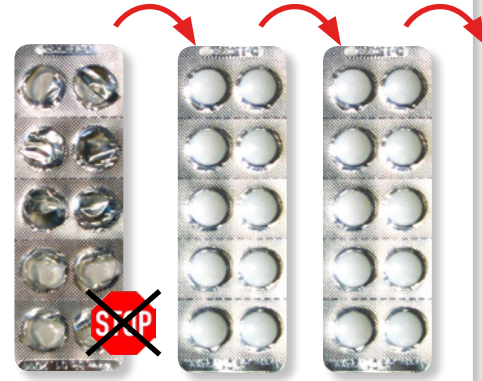
- | | | | |
|---|---|---|---|
| <input type="checkbox"/> morgens
in the morning
au matin
午前
오전
上午
buổi sáng
காலையில் | <input type="checkbox"/>
mittags
at noon
à midi
午後
정오
中午
buổi trưa
மதியத்தில் | <input type="checkbox"/>
abends
in the evening
le soir
夜か
저녁
晚上
buổi tối
மாலையில் | <input type="checkbox"/>
zur Nacht
at night
la nuit
ら深夜
밤
夜裡
ban đêm
இரவில் |
|---|---|---|---|

<input type="checkbox"/> vor before avant 食前 전에 饭前 trước முன்னர்	<input type="checkbox"/> zum during pendant 食間 식사시 進/進餐同时 trong உடன்	<input type="checkbox"/> nach dem Essen after the meals après le repas 食後 식사후 饭后 sau bữa ăn சாப்பாட்டின் பின்	<input type="checkbox"/>
---	---	--	--------------------------------





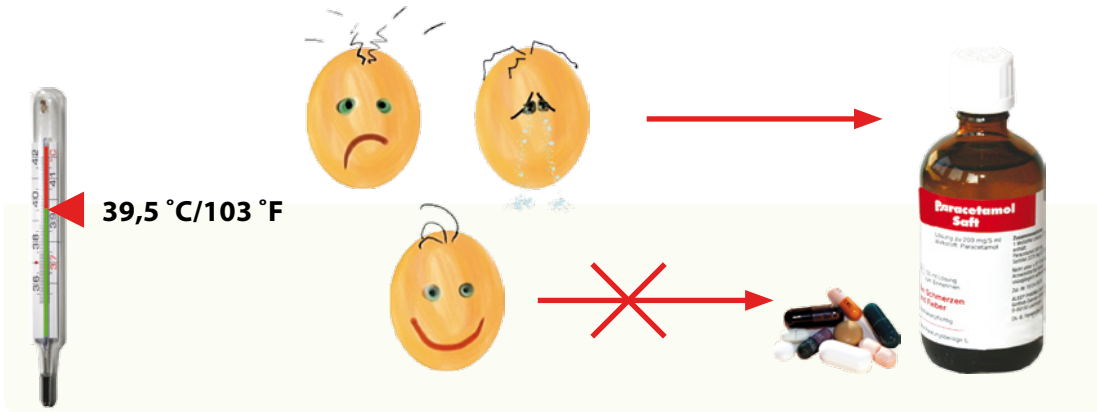
*4	Stunden	4x2	Tabletten	3x20	Tropfen
.....	Stunden	Tabletten	Tropfen
	hours		tablets		drops
	heures		cachets		gouttes
	時間		錠剤		滴薬
	시간		알약		방울
	小时		片剂		液剂
**	giờ đồng hồ một lần		viên		giọt
உ.ம். ஒவ்வொரு 4			குளிகைகள்		குளிகைகள்
மணித்தியாலத்திற்கும்					



.....
 nicht mehr/ nicht öfter als alle ...*
 not more/ no more often than every...*
 pas plus/ pas plus fréquemment que ...*
 もういらない/すべてよりしばしばでなく
 (例: 4時間ごととして...あるいは、ほんの3錠/20滴)
 하지않음/ 몇 시간 이후 ...*
 (예, ...4시간 마다 또는...3알/20방울보다 적게)
 間隔別超過 ... 小时 / 每天別超過 ... 次*
 (不要超過3个小时或 ... 別超過3湯勺/20滴)
 không uống nhiều hơn /
 không uống nhiều lần hơn là cứ ...*
 (ví dụ như: 4 giờ đồng hồ một lần (alle 4h)**
 hoặc là uống 4 lần, mỗi lần 2 viên (4x2 Tbl.)** / hoặc là uống 3 lần, mỗi lần 20 giọt (3x20 Trpf.)**
 இனி வேண்டாம்...*உட்கொள்க

.....
 einnehmen bis die Tabletten alle sind
 ingest until the medicine is finished
 prenez jusqu'à que le médicament soit fini
 全ての錠剤を服用する。
 복용하지 않아도 될 때까지
 请把藥全部服完
 uống thuốc cho đến khi hết thuốc
 குளிகைகள் முடியும்வரை உட்கொள்ளவும்

.....
 Tabletteneinnahme nicht unterbrechen
 don't discontinue administration
 n'interrompez pas le traitement
 錠剤を中断しない。
 처방된 약을 꾸준히 복용하세요
 不要間斷/间断
 không được gián đoạn việc uống thuốc
 ப குளிகைகள் உட்கொள்வதை
 இடைநிறுத்த வேண்டாம்



.....
 zusätzlich:
 additional:
 additionnel:
 補足
 추가사항:
 如又有:
 bổ sung:
 மேலதிகமாக
 bei Fieber
 when fever
 avec la fièvre
 熱
 열이 있을때
 发烧
 khi bị sốt
 காய்சலின் போது

.....
 bei Schmerzen
 when pain
 avec douleurs
 痛み
 통증이 있을때
 疼痛
 khi bị đau nhức
 வேதனையின் போது

.....
 bei Bedarf
 if required
 si nécessaire
 必要な際は
 무언가가 필요할때
 如有必要
 khi cần thiết
 அவசியமாகும் போது

.....
 Wiederkommen
 another appointment
 un autre rendez-vous
 再院下さい。
 다시 방문해 주세요
 再次就診
 Tái khám
 திரும்பவும் வரவும்



Fax +49 (0) 7 11 / 63 323 62

Kostenloser Download unter www.medi-bild.de **Bild und Sprache e.V.**

Weitere tip-doc-Materialien und Sprachen unter www.tipdoc.de
 Bei Ihrer Bestellung bitte Adresse nicht vergessen!!

setzer verlag
 seyfferstraße 53, 70197 stuttgart, www.setzer-verlag.de, info@setzer-verlag.de

© setzer verlag, keine Gewähr